TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2020/DS- ST
Ngày: 09-3-2020.
V/v "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê
Các hội thẩm nhân dân:
- Ông Trần Thanh Hùng.
- Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST–DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST –DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST –DS ngày 21/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Phước A, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: số 67/3 ấp AHA, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre .

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Phước A:

Ông Võ Văn Việt, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: số 365/2 Khu phố 2, TT, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Bị đơn: Ông Mai Văn K, sinh năm 1950 (vắng mặt).
Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1951 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ cư trú: số 21/3 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông Võ Văn Việt là người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Phước A trình bày:

Năm 2015 ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị B có mua thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý tại Đại lý phân phối thuốc thú ý – Tám Thông do anh Lê Phước A làm chủ; mục đích mua là để nuôi tôm thẻ chân trắng. Khi mua bán hai bên có thỏa thuận; anh A sẽ giao thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý cho ông K, bà B trước và đến khi thu hoạch tôm xong ông K, bà B có nghĩa vụ trả tiền nợ cho anh A. Việc mua bán không làm hợp đồng, hai bên thỏa thuận khi giao hàng và kiểm tra ký nhận đầy đủ và anh A có viết hóa đơn để theo dõi nợ. Thời gian đầu ông K,

bà B trả tiền đầy đủ nhưng sau đó do nuôi tôm thua lỗ nên ông K, bà B không trả nợ cho anh A. Vào ngày 23/10/2015 hai bên có đối chiếu công nợ thì phía ông K có ký xác nhận còn nợ anh A số tiền 12.622.000 đồng. Đồng sau khi viết biên nhận nợ ông K, bà B có mua thêm thuốc, hóa chất của anh A và nợ thêm số tiền 1.400.000 đồng. Do đó tổng kết lại ông K, bà B nợ Đại lý phân phối thuốc thú ý – Tám Thông do anh Lê Phước A làm chủ số tiền 14.022.000 đồng. Mục đích ông K, bà B nuôi tôm thẻ chân trắng là để làm ăn, phát triển kinh tế chung trong gia đình nên đây là nợ chung của ông K, bà B.

Tại phiên tòa ông được anh A ủy quyền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mai Văn K, bà Nguyễn Thị B phải liên đới trách nhiệm giao trả cho anh Lê Phước A số tiền 14.022.000 đồng; không yêu cầu tính lãi; đối với việc bà B xin trả nợ dần cho anh A thì ông không đồng ý.

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ông K và bà là vợ chồng; bà thừa nhận bà và ông K có mua thức ăn, thuốc, hóa chất xử lý tại Đại lý phân phối thuốc thú ý-Thủy sản Tám Thông do anh Lê Phước A làm chủ; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng. Trong năm 2015 do nuôi tôm thua lỗ nên ông, bà không có khả năng trả nợ cho An. Bà thừa nhận hai bên có đối chiếu công nợ thì ông, bà còn nợ anh A số tiền 14.022.000 đồng. Mục đích ông, bà nuôi tôm là để làm ăn, phát triển kinh tế chung trong gia đình.

Qua yêu cầu của anh Lê Phước A thì bà và ông K đồng ý liên đới để trả cho anh A số tiền nợ là 14.022.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần trong thời hạn 02 năm.

Bị đơn ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng ông K, bà B vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72,73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các đương sự thống nhất ông K, bà B còn nợ Đại lý phân phối thuốc thú ý – Tám Thông do anh Lê Phước A làm chủ số tiền 14.022.000 đồng nhưng không thống nhất cách trả nợ. Do ông K và bà B, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh A trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh A nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị B đăng ký thường trú số 21/3 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Anh Lê Phước A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị B phải liên đới trả cho anh Lê Phước A số tiền 14.022.000 đồng; yêu cầu trả 01 lần; không yêu cầu tính lãi. Ông K, bà B đồng ý liên đới cho anh A số tiền 14.022.000 đồng nhưng xin được trả nợ dần trong thời hạn 02 năm cho đến khi hết nợ

[4] Xét thấy hợp đồng mua bán tài sản giữa anh A với ông K và bà B được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Kéo, bà B thừa nhận có nợ anh A số tiền 14.022.000 đồng và đồng ý liên đới trả cho anh A số tiền nêu trên. Lẽ đó việc anh A yêu cầu ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền 14.022.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu trả nợ dần của ông K và bà B, xét thấy ông K và bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh A trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh A. Mặc khác tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của ông K, bà B. Do đó yêu cầu của ông K và bà B không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do anh Lê Phước A không yêu cầu tính tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phước A. Buộc ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị B phải liên đới trách nhiệm giao trả cho anh Lê Phước A là đại diện hộ kinh doanh **TÁM THÔNG** số tiền 14.022.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Do anh Lê Phước A không yêu cầu ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị B phải trả lãi nên không xem xét giải quyết.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm*:

Ông Mai Văn K và bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí.

Anh Lê Phước A được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 350.000 đồng theo biên lai thu số 0006207 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hùng – Huỳnh Ngọc Sơn **Huỳnh Thị Phê**

.

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân
Chuû toaï phieân toaø

Thaåm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ